

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
NHNO&PTNT VIỆT NAM**

Số: 744/2016/CKNN

"V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Báo cáo bán niên soát xét năm 2016
Giảm hơn 10% so với cùng kỳ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo kết quả kinh doanh được kiểm toán của Công ty cổ phần Chứng khoán NHNo & PTNT Việt Nam (Công ty).

Công ty xin gửi Quý Ủy ban và Quý Sở bản giải trình về những nội dung sau:

I. Chênh lệch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo tài chính bán niên năm 2016 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước:

1. Chỉ tiêu thay đổi so với cùng kỳ :

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	30/06/2015	30/06/2016	Chênh lệch tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
1	Tổng doanh thu	74.472.288.084	61.171.167.319	(13.301.120.765)	-17,86%
2	Tổng chi phí	78.732.211.176	445.667.629.906	366.935.418.730	466,06%
3	Kết quả hoạt động	(4.259.923.092)	(384.496.462.587)	(380.236.539.495)	-8.925,90%
4	Thu nhập khác và chi phí khác	659.058	(176.935.909)	(177.594.967)	-2.6946,79%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	(4.259.264.034)	(384.673.398.496)	(380.414.134.462)	-8.931,45%
6	Chi phí thuế TNDN	(8.386.759.385)	(39.576.534.832)	(31.189.775.447)	-371,89%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(12.646.023.419)	(424.249.933.328)	(411.603.909.909)	-3.254,81%



2. Nguyên nhân:

Lợi nhuận sau thuế TNDN tại kỳ báo cáo bán niên soát xét năm 2016 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2015 là do Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2016 tăng 366,9 tỷ đồng tương đương 466% so với Tổng chi phí cùng kỳ năm 2015. Tổng chi phí tăng chủ yếu là do chi phí trích lập dự phòng tăng. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	30/06/2015	30/06/2016	Chênh lệch tăng/giảm
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi từ hoạt động dịch vụ tài chính	114.386.000.320	96.549.968.558	-17.836.031.762
- Chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ	-87.175.842.417	317.796.636.893	404.972.479.310
Chênh lệch			387.136.447.548

II. Chênh lệch Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo cân đối kế toán 6 tháng đầu năm 2016 trước và sau khi kiểm toán:

A. Giải trình số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo Quý II/2016 trước kiểm toán	Báo cáo sau kiểm toán	Chênh lệch
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	164.209.373.465	428.237.615.982	264.028.242.517
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.636.722.794	17.155.375.036	(84.481.347.758)
3. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	41.362.474.373	(39.576.534.832)	(80.939.009.205)
4. Lợi nhuận kế toán sau thuế	(163.764.029.364)	(424.249.933.328)	(260.485.903.964)

1. Chi phí hoạt động kinh doanh

- Phân loại chi phí dự phòng từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang Chi phí dự phòng về cung cấp dịch vụ chứng khoán	84.481.347.758
- Trích dự phòng tăng các khoản phải thu khó đòi	12.068.620.800
- Trích dự phòng tăng cho trái phiếu Vinashin	167.484.997.880
- Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	-6.723.921
Tổng chênh lệch	264.028.242.517

2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chênh lệch do trích lập dự phòng trái phiếu Vinashin và đánh giá lại giá trị tài sản thuế hoãn lại	-80.939.009.205
--	-----------------

3. Lợi nhuận kế toán sau thuế:

Chênh lệch do tăng chi phí dự phòng và điều chỉnh thuế
TNDN hoãn lại.

-260.485.903.964

B. Giải trình số liệu trên Báo cáo cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo Quý II/2016 trước kiểm toán	Báo cáo sau kiểm toán	Chênh lệch
1. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(522.584.002.828)	(690.062.276.787)	167.478.273.959
2. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(612.374.521.670)	(624.443.142.470)	12.068.620.800
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	160,539,009,205	79,600,000,000	(80.939.009.205)

1. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Trích tăng dự phòng Trái phiếu và hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ

167.478.273.959

2. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Trích tăng dự phòng phải thu khó đòi

12.068.620.800

3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Giảm do điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN hoãn lại


-80.939.009.205

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC - TH, KTKTNB.

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN VAN TUẤN